

**BỘ CÔNG THƯƠNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SAO ĐỎ

**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
ĐẤT NƯỚC HỌC TRUNG QUỐC**

Số tín chỉ: 03

Trình độ đào tạo: Đại học

Ngành đào tạo: Ngôn ngữ Trung Quốc

Năm 2016

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

Trình độ đào tạo: Đại học

Ngành đào tạo: Ngôn ngữ Trung Quốc

1. Tên học phần: Đất nước học Trung Quốc

2. Mã học phần: TQUOC 412

3. Số tín chỉ: 3 (3,0)

4. Trình độ cho sinh viên: Năm thứ 4 (Kỳ 1)

5. Phân bổ thời gian:

- Lên lớp: 45 tiết lý thuyết, 0 tiết thực hành

- Tự học: 90 giờ

6. Điều kiện tiên quyết: Sau khi sinh viên đã học xong học phần Nghe nâng cao 2, Đọc nâng cao 2, Nói nâng cao 2, Viết nâng cao 2

7. Giảng viên

STT	Học hàm, học vị, họ tên	Số điện thoại	Email
1	ThS. Nguyễn Thị Hoa	0988.900.158	nguyenhua11180@gmail.com
2	ThS. Nguyễn Thị Lan	0914.772.563	lannguyen178@gmail.com
3	ThS. Bùi Thị Trang	0978.693.593	trangbui175@gmail.com
4	ThS. Nguyễn Thị Xuyên	0988.964.751	ruanshichuan89@gmail.com

8. Mô tả nội dung của học phần:

Học phần Đất nước học Trung Quốc gồm 15 bài. Mỗi bài một chủ đề gồm 2 phần lớn: Bài đọc, luyện tập. Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức khái quát nhất về điều kiện tự nhiên, lịch sử, chính trị, khoa học, ngoại giao, dân số, dân tộc của đất nước Trung Quốc.

9. Mục tiêu và chuẩn đầu ra học phần:

9.1. Mục tiêu

Mục tiêu học phần thỏa mãn mục tiêu của chương trình đào tạo:

Mục tiêu	Mô tả	Mức độ theo thang đo Bloom	Phân bổ mục tiêu học phần trong CTĐT
MT1	Kiến thức		
MT1.1	Hiểu và biết vận dụng được khoảng 800 từ;	2	[1.2.1.2.c]

Mục tiêu	Mô tả	Mức độ theo thang đo Bloom	Phân bổ mục tiêu học phần trong CTĐT
	đọc hiểu khái quát về địa lý, lịch sử, dân số, dân tộc, kinh tế, khoa học kỹ thuật, tôn giáo và chính trị, giáo dục, ngoại giao...		
MT1.2	Nắm được các kiến thức cơ bản văn minh văn hóa Trung Quốc ở nhiều phương diện như: Địa lý, lịch sử, dân số, dân tộc, kinh tế, khoa học kỹ thuật, tôn giáo và chính trị, giáo dục, ngoại giao...	3	[1.2.1.2.c]
MT2	Kỹ năng		
MT2.1	Vận dụng kiến thức, phương pháp đã học để đọc hiểu những luận văn hoặc tài liệu nghiên cứu về các đề tài lịch sử văn hóa khác nhau mà người học quan tâm.	3	[1.2.2.1]
MT2.2	Phân tích, thuyết trình những chủ đề quen thuộc liên quan đến văn hóa đất nước con người Trung Hoa. Có khả năng tổng hợp tìm kiếm và khai thác thông tin trên mạng internet (Trung Quốc) để phục vụ cho học phần.	4	[1.2.2.1]
MT3	Mức tự chủ và trách nhiệm		
MT3.1	Sử dụng đúng các kiến thức đã học trong các tình huống giao tiếp thực tế trong đời sống xã hội và trong công việc tương lai.	3	[1.3.1]
MT3.2	Sinh viên có năng lực: Làm việc độc lập, làm việc theo nhóm, giao tiếp và thuyết trình giải thích vấn đề trong nhóm cũng như trước lớp. Có thái độ tích cực trong học tập và chịu trách nhiệm với các nhiệm vụ được phân công.	4	[1.3.1]

9.2. Chuẩn đầu ra của học phần

Sự phù hợp của chuẩn đầu ra học phần với chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo:

CDR học phần	Mô tả	Thang đo Bloom	Phân bố CDR học phần trong CTĐT
CDR1	Kiến thức		
CDR1.1	Đọc hiểu khái quát các đoạn văn có nội dung về địa lý, lịch sử, dân số, dân tộc, kinh tế, khoa học kỹ thuật, tôn giáo và chính trị, giáo dục, ngoại giao... của Trung Quốc.	2	[2.1.4]
CDR1.2	- Nắm được kiến thức cơ bản về Trung Quốc trên các phương diện: Vị trí địa lý, tài nguyên, khí hậu, lịch sử, kinh tế, chính trị, văn hóa, tôn giáo, dân tộc, dân số, ngoại giao... - Có cái nhìn tổng thể về đất nước và con người Trung Quốc, giúp các em có thể hòa nhập nhanh khi đi làm, giao lưu với người TQ. Có cái nhìn khách quan khi đánh giá, so sánh sự tương đồng và khác biệt giữa 2 nền văn hóa Việt Nam - Trung Hoa.	5	[2.1.4]
CDR2	Kỹ năng		
CDR2.1	Nghe, nói, đọc, viết được những thuật ngữ chuyên ngành về địa lý, kinh tế, giáo dục, triết học...	4	[2.2.2]
CDR2.2	Có thể thuyết trình hay dịch một cách trôi chảy, mạch lạc về một vấn đề liên quan đến đất nước học Trung Quốc	4	[2.2.2]
CDR3	Mức tự chủ và trách nhiệm		
CDR3.1	Có năng lực làm việc độc lập, làm việc theo nhóm.	4	[2.3.1]
CDR3.2	Có khả năng giao tiếp, thuyết trình và giải thích vấn đề trong nhóm cũng như trước lớp.	4	[2.3.1]
CDR3.3	Có thái độ tích cực trong học tập và chịu trách nhiệm với các nhiệm vụ được phân công.	4	[2.3.1]

10. Ma trận liên kết nội dung với chuẩn đầu ra học phần:

Chương	Nội dung học phần	Chuẩn đầu ra của học phần						
		CĐR1		CĐR2		CĐR3		
		CĐR 1.1	CĐR 1.2	CĐR 2.1	CĐR 2.2	CĐR 3.1	CĐR 3.2	CĐR 3.3
1	第一单元 中国的自然和人文条件 第一章 中国的国土与资源	x	x	x	x	x	x	x
2	第二章 古代历史	x	x	x	x	x	x	x
3	第三章 中国的人口	x	x	x	x	x	x	x
4	第四章 中国的民族	x	x	x	x	x	x	x
5	第二单元 中国政治 第章 中国的政治制度	x	x	x	x	x	x	x
6	第九章 中国外交	x	x	x	x	x	x	x
7	第三单元 中国经济 第十章 中国经济概述	x	x	x	x	x	x	x
8	第十一章 农业	x	x	x	x	x	x	x
9	第十二章 工业	x	x	x	x	x	x	x
10	第十四章 中国的金融和保险业	x	x	x	x	x	x	x
11	第四单元 中国社会 第十五章 中国的环境状况和环境保护	x	x	x	x	x	x	x
12	第十六章 人民生活	x	x	x	x	x	x	x
13	第十七章 教育	x	x	x	x	x	x	x
14	第十八章 中国的科学技术	x	x	x	x	x	x	x
15	第十九章 中国的文化事业建设	x	x	x	x	x	x	x

11. Đánh giá học phần

11.1. Kiểm tra và đánh giá trình độ

Chuẩn đầu ra	Mức độ thành thạo được đánh giá
CĐR1	Bài kiểm tra thường xuyên, bài kiểm tra giữa học phần

CDR2	Bài kiểm tra giữa học phần và bài thi kết thúc học phần
CDR3	Bài tập thuyết trình theo nhóm, bài kiểm tra giữa học phần và bài thi kết thúc học phần

11.2. Cách tính điểm học phần: Tính theo thang điểm 10 sau đó chuyển thành thang điểm chữ và thang điểm 4

STT	Điểm thành phần	Quy định	Trọng số	Ghi chú
1	Điểm thường xuyên, đánh giá nhận thức, thái độ thảo luận, chuyên cần, làm bài tập ở nhà của sinh viên	- Chuyên cần: Sinh viên tham gia tối thiểu 80% số giờ quy định của học phần - Hoàn thành các bài tập được giao	20%	
2	Kiểm tra giữa học phần	Hình thức kiểm tra: Tự luận Thời gian: 90 phút	30%	
3	Thi kết thúc học phần	Hình thức thi: Tự luận Thời gian: 90 phút	50%	

11.3. Phương pháp đánh giá

- Điểm thường xuyên, đánh giá nhận thức, thái độ thảo luận, chuyên cần của sinh viên được đánh giá thông qua ý thức học tập, tỉ lệ hiện diện, tinh thần tác phong xây dựng bài, tinh thần thực hiện chủ đề tự học.

- Kiểm tra giữa học phần diễn ra vào tuần số 8 dưới hình thức tự luận. Trong quá trình kiểm tra, sinh viên không được sử dụng từ điển, điện thoại hay bất kỳ tài liệu khác.

- Thi kết thúc học phần theo kế hoạch tiến độ đào tạo. Sinh viên được giảng viên phụ đạo ít nhất 1 buổi trước khi thi. Đề thi được trưởng bộ môn đề xuất cấu trúc đề và kết hợp với phòng QLCL chọn ngẫu nhiên trong ngân hàng câu hỏi và sinh viên thi trắc nghiệm trên máy tính. Trong quá trình thi sinh viên không được sử dụng từ điển, điện thoại hay bất kỳ tài liệu khác. Đề thi kết thúc học phần sinh viên làm trên giấy với hình thức tự luận:

- Phán đoán đúng sai
- Chọn đáp án A, B, C, D
- Sắp xếp thành câu hoàn chỉnh
- Trả lời câu hỏi

Điểm chấm được đánh giá theo đáp án trong ngân hàng câu hỏi thi kết thúc học phần đã được phê duyệt, ban hành

12. Phương pháp dạy và học

- Tại lớp học lý thuyết, giảng viên đặt ra các vấn đề, hướng dẫn và kích thích sinh viên giải quyết các vấn đề đưa ra. Giảng viên hướng dẫn sinh viên tìm hiểu các nội dung về đất nước học Trung Quốc theo các chủ đề: Vị trí địa lý, thời tiết, khí hậu, tài nguyên, lịch sử, dân số, dân tộc, chính trị, kinh tế, văn hóa, giáo dục, khoa học kỹ thuật... Giảng viên đưa ra những câu hỏi phát vấn yêu cầu sinh viên giải quyết để phát huy tính tích cực, chủ động và sáng tạo của sinh viên, đồng thời đưa ra các câu hỏi để đánh giá khả năng nhận thức và giải đáp các câu hỏi của sinh viên liên quan đến bài học. Sinh viên cần lắng nghe, ghi chép bài và được khuyến khích tích cực thực hành các kỹ năng dưới sự hướng dẫn của giảng viên.

- Giao nhiệm vụ cụ thể về nhà, có kiểm tra đánh giá trực tiếp trên lớp hoặc qua địa chỉ email của giảng viên, của lớp.

13. Yêu cầu học phần

- Yêu cầu về nghiên cứu tài liệu: Đọc thêm các tài liệu có liên quan đến đất nước Trung Quốc: điều kiện tự nhiên, xã hội, chính trị, ngoại giao, kinh tế...

- Yêu cầu về làm bài tập: Làm đầy đủ các bài tập trong sách giáo trình, tham gia phát biểu xây dựng bài.

- Yêu cầu về thái độ học tập: Chuẩn bị đầy đủ tài liệu, bài tập trước khi lên lớp.

- Yêu cầu về chuyên cần: Sinh viên tham dự ít nhất 80% thời lượng học phần theo yêu cầu. Sinh viên vắng mặt trên 20% giờ học không được phép thi kết thúc học phần

- Yêu cầu về kiểm tra giữa học phần và kết thúc học phần: Sinh viên vắng thi sẽ bị điểm 0 ngoại trừ trường hợp vắng thi có lý do chính đáng theo quy chế quản lý các hoạt động đào tạo của trường Đại học Sao Đỏ.

14. Tài liệu phục vụ học phần:

Tài liệu bắt buộc:

[1]中国概况教程，肖立编著，北京大学出版社，2014年

Tài liệu tham khảo:

[2] <http://baike.baidu.com>

15. Nội dung chi tiết học phần

Tuần	Nội dung giảng dạy	Lý thuyết	Thực hành	Tài liệu đọc trước	Nhiệm vụ của SV
1	第一单元 中国的自然和人文条件 第一章 中国的国土与资源 Mục tiêu:	3		[1] [2]	- Đọc và tra từ điển: Trang 3 - 11 tài liệu [1] Tìm tài liệu trên [2] - Hoàn thành: Bài tập trang 12 tài liệu

	<p>Nắm vững kiến thức cơ bản nhất về địa lý, khí hậu, tài nguyên và đặc điểm phân chia khu vực hành chính của TQ (riêng kiến thức địa lý TQ, giảng viên cung cấp những thông tin đã được giới nghiên cứu TQ tại VN thống nhất ý kiến)</p> <p>Nội dung cụ thể: 第一节：地理 第二节：气候 第三节：资源 第四节：国土的划分和管理</p>				[1]
2	<p>第二章 古代历史 Mục tiêu: Nắm vững kiến thức cơ bản nhất về lịch sử cổ đại của Trung Quốc: Xã hội nguyên thủy, xã hội phong kiến</p> <p>Nội dung cụ thể: 第一节：原始社会 第二节：奴隶社会 第三节：封建社会</p>	3			<p>[1] [2]</p> <p>- Đọc và tra từ điển: Trang 13 - 20 tài liệu [1] Tìm tài liệu trên [2] - Hoàn thành: Bài tập trang 21 tài liệu [1]</p>
3	<p>第三章 中国的人口 Mục tiêu: Nắm vững kiến thức cơ bản nhất về tình hình dân số và đặc điểm về chính sách dân số trong xã hội Trung Quốc hiện đại</p> <p>Nội dung cụ thể: 第一节：中国人口演变 第二节：人口结构和分布 第三节：计划生育</p>	3			<p>[1] [2]</p> <p>- Đọc và tra từ điển: Trang 22 - 29 tài liệu [1] Tìm tài liệu trên [2]- Hoàn thành: Bài tập trang 30 tài liệu [1]</p>
4	<p>第四章 中国的民族</p>				- Đọc và tra từ điển:

	<p>Mục tiêu: Nắm vững kiến thức cơ bản nhất về đặc điểm các dân tộc ở TQ, về chính sách dân tộc tại TQ, về dự báo xu hướng phát triển vấn đề dân tộc tại TQ theo đánh giá của các học giả tại TQ hiện nay</p> <p>Nội dung cụ thể: 第一节：统一的多民族国家 第二节：民族平等和民族区域自治 第三节：少数民族的经济社会发展和 第四节：各民族的文化</p>	3		<p>[1] [2]</p>	<p>Trang 31-40 tài liệu [1] Tìm tài liệu trên [2] - Hoàn thành: Bài tập trang 41 tài liệu [1]</p>
5	<p>第二单元 中国政治 第章 中国的政治制度</p> <p>Mục tiêu: Nắm vững kiến thức cơ bản nhất về thể chế chính trị TQ, cơ cấu tổ chức của Chính phủ TQ hiện nay.</p> <p>Nội dung cụ thể: 第一节：中国政治制度的构成和演变 第二节：人民代表大会 第三节：中国的司法制度</p>	3		<p>[1] [2]</p>	<p>- Đọc và tra từ điển: Trang 47 – 52 tài liệu [1] Tìm tài liệu trên [2] - Hoàn thành: Bài tập trang 53 tài liệu [1] - Ôn tập từ chương 1-5</p>
6	<p>第九章 中国外交</p> <p>Mục tiêu: Nắm vững kiến thức cơ bản nhất về vấn đề ngoại giao của Trung Quốc</p> <p>Nội dung cụ thể: 第一节：中国的外交政策 第二节：外交历程与成</p>	3		<p>[1] [2]</p>	<p>- Đọc và tra từ điển: Trang 76 – 89 tài liệu [1] Tìm tài liệu trên [2] - Hoàn thành: Bài tập trang 90 tài liệu [1]</p>

	就 第三节：中国与联合国 第四节：政府外交机构				
7	第三单元 中国经济 第十章 中国经济概述 Mục tiêu: Nắm vững kiến thức cơ bản nhất về kinh tế của Trung Quốc. Nội dung cụ thể: 第一节：计划经济时期 第二节：改革开放	3		[1] [2]	- Đọc và tra từ điển: Trang 97 – 101 tài liệu [1] Tìm tài liệu trên [2] - Hoàn thành: Bài tập trang 102 tài liệu [1]
8	第十一章 农业 Mục tiêu: - Nắm vững kiến thức cơ bản nhất về kinh tế Trung Quốc thể hiện qua ngành công nghiệp. Nội dung cụ thể: 第一节：中国农业的成就 第二节：农业发展所面对的困难 第三节：政府已经采取的改良措施 第四节：中国农业发展战略	1 2KT		[1] [2]	- Đọc và tra từ điển: Trang 103 – 108 tài liệu [1] Tìm tài liệu trên [2] - Hoàn thành: Bài tập trang 108 tài liệu [1] - Ôn tập từ chương 1 - 10
9	第十二章 工业 Mục tiêu: Nắm vững kiến thức cơ bản nhất về kinh tế Trung Quốc thể hiện qua ngành nông nghiệp. Nội dung cụ thể: 第一节：中国工业的水平 第二节：中国工业发展的有利和不利条件 第三节：中国工业发展	3		[1] [2]	- Đọc và tra từ điển: Trang 109 – 116 tài liệu [1] Tìm tài liệu trên [2] - Hoàn thành: Bài tập trang 116 tài liệu [1]

	趋势				
10	<p>第十四章中国的金融和保险业</p> <p>Mục tiêu: Nắm vững kiến thức cơ bản nhất về ngành tài chính và bảo hiểm của Trung Quốc</p> <p>Nội dung cụ thể: 第一节：中国金融体系 第二节：银行信贷与金融市场 第三节：人民币与外币管理 第四节：保险业</p>	3		<p>[1] [2]</p>	<p>- Đọc và tra từ điển: Trang 128 – 132 tài liệu [1] Tìm tài liệu trên [2] - Hoàn thành: Bài tập trang 132 tài liệu [1] - Ôn tập từ chương 6-14</p>
11	<p>第四单元 中国社会</p> <p>第十五章 中国的环境状况和环境保护</p> <p>Mục tiêu: - Nắm vững kiến thức cơ bản nhất về vấn đề môi trường và bảo vệ môi trường hiện nay của Trung Quốc.</p> <p>Nội dung cụ thể: 第一节：中国的环保政策和体制 第二节：环境状况与治理 第三节：环保科技与公众参与 第四节：环保领域的国际合作</p>	3		<p>[1] [2]</p>	<p>- Đọc và tra từ điển: Trang 139 – 144 tài liệu [1] Tìm tài liệu trên [2] - Hoàn thành: Bài tập trang 144 tài liệu [1]</p>
12	<p>第十六章 人民生活</p> <p>Mục tiêu: Nắm vững kiến thức cơ bản nhất về đời sống của người dân Trung Quốc hiện nay.</p>	3		<p>[1] [2]</p>	<p>- Đọc và tra từ điển: Trang 145 – 152 tài liệu [1] Tìm tài liệu trên [2] - Hoàn thành: Bài tập trang 153 tài liệu [1]</p>

	<p>Nội dung cụ thể: 第一节：改革开放以来的人民生活 第二节：未来中国人民生活——全面小康社会</p>				
13	<p>第十七章 教育 Mục tiêu: Nắm vững kiến thức cơ bản nhất về nền giáo dục của Trung Quốc. Nội dung cụ thể: 第一节：古代和近代教育 第二节：代代教育 第三节：中国教育的基本制度 第四节：未来教育发展</p>	3		<p>[1] [2]</p>	<p>- Đọc và tra từ điển: Trang 154 – 159 tài liệu [1] Tìm tài liệu trên [2] - Hoàn thành: Bài tập trang 202-204 tài liệu [1]</p>
14	<p>第十八章 中国的科学技术 Mục tiêu: - Nắm vững kiến thức cơ bản nhất về: - “Tứ đại phát minh” của Trung Quốc, bao gồm: Kim chỉ nam 指南针, thuốc pháo 火药, kỹ thuật làm giấy 造纸术 và kỹ thuật in 印刷术. - Những thành tựu KHKT hiện đại của TQ Nội dung cụ thể: 第一节：中国科技发展历程 第二节：科学技术研究体系 第三节：主要科技成就 第四节：科技规划</p>	3		<p>[1] [2]</p>	<p>- Đọc và tra từ điển: Trang 160 – 168 tài liệu [1] Tìm tài liệu trên [2] - Hoàn thành: Bài tập trang 168 tài liệu [1]</p>

15	<p>第十九章 中国的文化事业建设</p> <p>Mục tiêu: Nhằm vững kiến thức cơ bản nhất về xây dựng sự nghiệp văn hóa Trung Quốc hiện nay</p> <p>Nội dung cụ thể: 第一节: 中国传统文化传统的现状 第二节: 文化体制建设和改革</p>	3		<p>[1] [2]</p>	<p>- Đọc và tra từ điển: Trang 169 – 177 tài liệu [1] Tìm tài liệu trên [2] - Hoàn thành: Bài tập trang 177 tài liệu [1]</p>
16	<p>Ôn thi hết học phần</p>			<p>[1] [2]</p>	<p>- Sinh viên làm đề cương và ôn tập các nội dung được giao. - Nghiên cứu tài liệu [1], [2] - Làm bài thi cuối kỳ</p>

Hải Dương, ngày 19 tháng 08 năm 2016

KT. HIỆU TRƯỞNG
 PHÓ HIỆU TRƯỞNG



TS. Phí Đăng Tuệ

TRƯỜNG KHOA

TRƯỜNG BỘ MÔN

Hoàng Đức Đoàn

Trịnh Thị Chuyên